

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

Dự thảo trình HĐND tỉnh, sửa sau khi
họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sau thẩm
tra của Ban Pháp chế - HĐND tỉnh

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức
được luân chuyển trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP LẦN THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật
Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ
quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính
phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành
cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 64/BC-HĐND-PC ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ban
Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, Kỳ họp lần thứ 12 thông qua ngày tháng năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, biệt phái trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND cấp huyện;
- HĐND, UBND cấp xã;
- Đài Phát thanh – Truyền hình và Báo BP;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

**Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức
được luân chuyển trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức luân chuyển giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (*sau đây viết tắt là cán bộ*) đang công tác trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội (*Hội Cựu Chiến binh – trừ cán bộ lãnh đạo là cựu chiến binh trong lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Liên đoàn Lao động*) cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được cơ quan có thẩm quyền luân chuyển theo kế hoạch luân chuyển đã được phê duyệt.

b) Ngoài chính sách quy định tại Nghị quyết này, cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển còn được hưởng các chính sách khác theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ đang công tác trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội (*Hội Cựu Chiến binh – trừ cán bộ lãnh đạo là cựu chiến binh trong lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Liên đoàn Lao động*) cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được cấp có thẩm quyền luân chuyển theo quy định.

b) Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến việc luân chuyển cán bộ trên địa bàn tỉnh.

c) Cấp có thẩm quyền luân chuyển: Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy (*trong trường hợp được phân cấp, ủy quyền*), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Nội vụ (*trong trường hợp được phân cấp, ủy quyền*), Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Chính sách này không áp dụng đối với:

a) Cán bộ luân chuyển không nằm trong kế hoạch luân chuyển của cấp có thẩm quyền.

b) Cán bộ luân chuyển từ tỉnh về thành phố Đồng Xoài và trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Đồng Xoài (*trừ chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí*).

c) Cán bộ được cấp có thẩm quyền điều động theo nguyện vọng, nhu cầu cá nhân; do không trúng cử chức danh bầu cử theo quy định hoặc do không đủ điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm lại phải bố trí, sắp xếp xuống vị trí thấp hơn; do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

d) Cán bộ luân chuyển ở các cơ quan thuộc hệ thống ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; cán bộ ở các tỉnh khác luân chuyển về tỉnh và cán bộ công tác ở Trung ương luân chuyển về tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

2. Chỉ thực hiện chi trả một lần chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này trong cả thời gian được cấp có thẩm quyền luân chuyển; các lần luân chuyển sau không được tiếp tục hưởng chính sách này.

3. Nguyên tắc khi tính cộng dồn thời gian hỗ trợ theo tháng: Nếu thời gian luân chuyển có lẽ dưới 10 ngày thì không tính, nếu đủ từ 10 ngày trở lên đến 15 ngày được tính 1/2 tháng, từ trên 15 ngày được tính tròn 01 tháng.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chính sách hỗ trợ một lần

Cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển có khoảng cách từ cơ quan có cán bộ luân chuyển đi và cơ quan có cán bộ luân chuyển đến từ 20km trở lên được hỗ trợ một lần là 5 lần mức lương cơ sở tại thời điểm luân chuyển; Đối với cán bộ luân chuyển về các địa phương: Bù Gia Mập, Bù Đốp, Bù Đăng, Lộc Ninh (kể cả luân chuyển trong nội bộ cấp huyện) được hỗ trợ một lần là 8 lần mức lương cơ sở tại thời điểm luân chuyển.

2. Chính sách hỗ trợ đi lại

Cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển có khoảng cách từ cơ quan đang công tác đến cơ quan luân chuyển từ 20km đến dưới 50km được hỗ trợ 1.0 mức lương cơ sở/tháng; từ 50km trở lên được hỗ trợ 1.5 mức lương cơ sở/tháng, được chi trả vào tiền lương hàng tháng của cán bộ.

3. Chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí *(áp dụng đối với tất cả cán bộ luân chuyển, kể cả cán bộ luân chuyển về thành phố Đồng Xoài và trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Đồng Xoài)*

a) Cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển được hỗ trợ 0.5 mức lương cơ sở/tháng, được chi trả vào tiền lương hàng tháng của cán bộ.

b) Đối với cán bộ là nữ, là người đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này được cấp có thẩm quyền luân chuyển, thì ngoài chính sách hỗ trợ

theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này còn được hỗ trợ thêm 0.3 lần mức mức lương cơ sở/người/tháng, được chi trả vào tiền lương hàng tháng của cán bộ.

Trường hợp một đối tượng vừa là nữ vừa là người đồng bào dân tộc thiểu số thì được hỗ trợ thêm 0.5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

4. Chính sách bố trí nhà ở công vụ, hỗ trợ tiền thuê nhà ở

Cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển có khoảng cách từ nơi cán bộ thường trú đến cơ quan nơi cán bộ luân chuyển đến từ 30km trở lên được bố trí nhà ở công vụ theo quy định. Trường hợp cơ quan, đơn vị nơi cán bộ luân chuyển đến chưa bố trí được nhà ở công vụ và cán bộ luân chuyển đến phải thuê nhà để ở, thì được hỗ trợ 1.0 lần mức lương cơ sở/người/tháng để thuê nhà ở, được chi trả vào tiền lương hàng tháng của cán bộ.

5. Các chính sách hỗ trợ một lần và trợ cấp hàng tháng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này không làm căn cứ để đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Điều 4. Thời gian được hưởng chính sách hỗ trợ luân chuyển

Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ luân chuyển được tính từ thời điểm quyết định luân chuyển của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực thi hành cho đến khi hết thời gian luân chuyển theo quy định (tối đa không quá 36 tháng).

Điều 5. Nguồn kinh phí, trách nhiệm chi trả

1. Nguồn kinh phí chi trả cho chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Cơ quan, đơn vị có cán bộ luân chuyển đến có trách nhiệm chi trả chính sách theo quy định.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cán bộ được cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và vẫn đang trong thời gian luân chuyển nếu đủ các điều kiện theo quy định của Nghị quyết này thì được hưởng chính sách hỗ trợ đi lại, sinh hoạt phí, bố trí nhà ở công vụ (*hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở*) kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành cho đến hết thời gian luân chuyển (tối đa không quá 36 tháng).

2. Cán bộ luân chuyển đã được hưởng các chính sách quy định tại Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh, nhưng chưa đủ thời gian quy định (36 tháng) thì tiếp tục được hưởng các chính sách quy định tại Nghị quyết này cho đến khi đủ 36 tháng kể từ thời điểm luân chuyển.

3. Đối với cán bộ điều động, biệt phái hết được hưởng các chính sách quy định tại Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản pháp luật khác của tỉnh có liên quan, kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.